TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 28/10/2019
"*V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Bích
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hạ
2. Bà Bùi Thị Kim Loan
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Thảo-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Anh Đ1, sinh năm 19xx.
Bị đơn: - Bị đơn: Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 19xx;
Cùng nơi ĐKNKTT: Tổ 2, khu N1, phường T1, thành phố P1, tỉnh N1.
Cùng chỗ ở hiện nay: Tổ 4, khu 8, phường C1, thành phố L1, tỉnh Q1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn- anh Phạm Anh Đ1 trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T1 kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố P1, tỉnh N1, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, để tiện cho việc đi lại, làm việc nên vợ chồng anh thuê nhà tại C2, L1 để ở. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T1 giấu anh đi vay mượn tiền để chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị T1 không thay đổi. Bản thân anh thấy mình không có lỗi gì trong việc phát sinh mâu thuẫn nhưng vì hạnh phúc gia đình nên anh đã nhiều lần tìm biện pháp khắc phục, khuyên can, mong chị T1 thay đổi, từ bỏ việc đam mê cờ bạc nhưng chị T1 có thái độ thờ ơ, bàng quang, xem nhẹ sự việc. Khi mâu thuẫn lên cao, anh chị đã

sống ly thân, mỗi người ở một phòng, không quan tâm đến nhau. Trong quá trình ly thân thì cả hai cũng tìm cách hàn gắn nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được tổ dân khu phố cùng gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không được. Cho đến nay, tình cảm của anh giành cho chị T1 không còn. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T1. Vợ chồng anh có một con chung là Phạm Phương V1, sinh ngày 18/10/20xx. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị T1 tự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2019, bị đơn- chị Hoàng Thị T1 thể hiện quan điểm: Sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà tại Đ1, C1 để ở, sau đó mua đất xây nhà tại tổ 4 khu 8 C2, phường C1, thành phố L2, tỉnh Q1. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ1 có mối quan hệ không lành mạnh bên ngoài. Chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng anh không thay đổi nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Đến nay, chị vẫn còn tình cảm với anh Đ1 nên mong Tòa án hòa giải để vợ chồng chị về đoàn tụ. Chị xác nhận vợ chồng chị có một con chung như anh Đ1 trình bày. Bản thân chị cũng mong muốn được nuôi con, tuy nhiên trong trường hợp anh Đ1 cương quyết xin ly hôn thì chị đồng ý để anh Đ1 nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng chị có một ngôi nhà diện tích 56m^2 tại tổ 4 khu 8 C1, phường C1, thành phố L1, tỉnh Q1. Giấy tờ nhà đất mang tên anh Phạm Anh Đ1, mua năm 2012, trị giá ngôi nhà khoảng 300.000.000 đồng, mong tòa soi xét.

Tòa án nhân dân thành phố P1 đã có văn bản yêu cầu chị T1 thể hiện quan điểm về việc có yêu cầu chia tài sản hay không? Nếu yêu cầu chia tài sản thì phải giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh nhà đất trên là tài sản chung của hai vợ chồng. Tuy nhiên, chị T1 không có yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã triệu tập phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị T1 vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã xác minh mâu thuẫn vợ chồng anh Đ1 chị T1 tại tổ dân khu phố nơi anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú và được cung cấp: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ1 sống chung với bố mẹ đẻ anh Đ1 là ông N1, bà G1. Nhưng do cả hai vợ chồng đều làm bên C2, thành phố L1 nên anh chị thuê nhà trọ bên đó, ngày nghỉ lại về bên này. Đến bây giờ mặc dù anh chị có nhà bên C1 nhưng con gái vẫn ở với ông bà nội và đi học tại đây. Khoảng hơn 1 năm nay cũng thấy chị T1 ít về thăm con, khu phố được biết hiện vợ chồng anh chị đang sống ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng trong vấn đề kinh tế gia đình, nghe dư luận phản ánh là do chị T1 giấu gia đình, cờ bạc, nợ nần.

Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xác minh mâu thuẫn vợ chồng anh Đ1 chị T1 tại tổ dân khu phố nơi anh chị sinh sống hiện nay thì được cung cấp: Anh chị đều là công nhân, thường xuyên đi ca kíp, ngày nghỉ lại về thăm con (hiện đang sống với bố mẹ anh Đ1 tại thành phố C1, tỉnh Q1) nên ít có thời gian tiếp xúc với hàng xóm. Tuy nhiên, quá trình sinh sống tại đây hai vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xô sát, đánh nhau. Hỏi lý do thì anh Đ1 có nói là do chị T1 mải chơi, cờ bạc, nói không nghe. Nay anh Đ1 có đơn xin ly hôn chị T1, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P1 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn anh Phạm Anh Đ1 trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chị Hoàng Thị T1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 70; điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Anh Đ1, đề nghị hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị T1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tại tổ 2, khu N1, phường T2, thành phố T1, tỉnh N1 nên yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Anh Đ1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Hoàng Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Anh Đ1 và chị Hoàng Thị T1 là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố T1, tỉnh N1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 15/5/2012. Trong quá trình chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Anh Đ1 cho rằng chị T1 cờ bạc, nợ nần, không quan tâm đến gia đình. Chị T1 thì cho rằng anh Đ1 ngoại tình nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặc dù nguyên nhân mà hai anh chị đưa ra có sự khác nhau nhưng chính điều này đã chứng tỏ giữa hai người đang tồn tại mâu thuẫn, và thực tế hai người đang sống ly thân, tuy sống chung nhà nhưng không còn sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau. Bản thân chị T1 mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Đ1 nhưng khi Tòa án triệu tập để hòa giải và xét xử chị T1 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đối chiếu với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ1 và chị T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ1 đối với chị T1.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, Anh Đ1 có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là Phạm Phương V1, sinh ngày 18/10/20xx đến khi thành niên, anh không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy tại bản tự khai ngày 07/8/2019, chị T1 đã thể hiện quan điểm về việc chị đồng ý để anh Đ1 là người nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Đ1, giao con chung cho anh Đ1 trực

tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo lợi ích toàn diện của con. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn chị T1 có đề cập đến việc hai vợ chồng có tài sản chung, nhưng không giao nộp chứng cứ, không yêu cầu chia tài sản chung. Do đó Tòa án chấp nhận quan điểm của nguyên đơn anh Đ1 về việc tài sản chung, công nợ chung do hai bên tự thỏa thuận.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Đ1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Anh Đ1, chị T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28; Điều 35*;* Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Anh Đ1 ly hôn với chị Hoàng Thị T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Phương V1, sinh ngày 18/10/2012 cho anh Phạm Anh Đ1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Phạm Anh Đ1 và chị Hoàng Thị T1 tự thỏa thuận nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Anh Đ1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên anh Đ1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004658 ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C1, tỉnh N1.

Nguyên đơn anh Phạm Anh Đ1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn chị Hoàng Thị T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh N1.
-VKSND TP P1;
-Chi cục THADS TP P1;
-UBND phường T2,TP P1, tỉnh N1;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ; VP

TM. HỘI ĐỒNG XET XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Bích